

## Jewelry

珠宝

zhū bǎo

### 1. Ring

戒指

jiè zhi

### 2. Earrings

耳环

ěr huán

### 3. Necklace

项链

xiàng liàn

#### 4. Pendant

吊坠

diào zhuì

#### 5. Bracelet

手镯

shǒu zhuó

#### 6. Wrist watch

手表

shǒu biǎo

#### 7. Barrette

发夹

fà jiā

## 8. Broach

胸针

xiōng zhēn

## 9. Anklet

脚链

jiǎo liàn

## 10. Diamond

钻石

zuàn shí

## 11. Gold

金

jīn

12. Yellow Gold

黄金

huáng jīn

13. White Gold

白金

bái jīn

14. Pearl

珍珠

zhēn zhū

15. Mother of pearl

贝母

bèi mǔ

16. Ruby

红宝石

hóng bǎo shí

17. Sapphire

蓝宝石

lán bǎo shí

18. Emerald

翡翠

fěi cuì

19. Platinum

铂金

bó jīn

20. Silver

银

yín

21. Opal

猫眼石

māo yǎn shí

Copyright© Langhub.com – Learn Chinese. No part of this text can be reused for profit.